TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LẠNG SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/DS-ST
Ngày 24 - 11 - 2018
V/v *tranh chấp hợp đồng vay, nợ tài sản*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN - TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lành Văn Khánh.

Ông Nguyễn Xuân Quý.

***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thanh Phượng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 24/11/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2018 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay, nợ tài sản*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST-DS ngày 19/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2018/QĐST-DS ngày 03/11/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị Thu H, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Số xx, đường B, khu Đô thị Phú Lộc 4, khối 6, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Mạnh T, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Số xx, đường Lê Lợi, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt có lý do.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lâm Thị T, sinh năm 19xx. Vắng mặt có lý do.

2. Ông Vi Văn S, sinh năm 19xx. Vắng mặt có lý do.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/8/2018, các bản khai, các tài liệu chứng cứ cung cấp quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị Thu H trình bày:

Chị Hoàng Thị Thu H cho anh Vũ Mạnh T vay nợ tổng số tiền 1.100.000.000 VNĐ (một tỷ, một trăm triệu đồng) qua hai lần vay, có lập văn bản, cụ thể: Lần thứ nhất, tại "Giấy nhận nợ" ngày 06/9/2016 chị Hoàng Thị Thu H cho anh Vũ Mạnh T vay 800.000.000 VNĐ; lần thứ hai, tại "Giấy vay tiền" ngày 17/02/2017 chị Hoàng Thị Thu H cho anh Vũ Mạnh T vay 300.000.000 VNĐ. Cả hai khoản vay đều tự thỏa thuận lãi, không ghi vào văn bản; thời hạn thanh toán được xác định kể từ khi chị Hoàng Thị Thu H thông báo cho anh Vũ Mạnh T trước 15 ngày. Để làm tin, anh Vũ Mạnh T đã đưa cho chị Hoàng Thị Thu H 02 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa: CĐ 0197xx và số bìa CĐ 2298xx đều mang tên ông Vi Văn S và bà Lâm Thị T; anh Vũ Mạnh T có nói, sẽ cắt lại 01 phần diện tích đất cho chị Hoàng Thị Thu H nếu không trả được khoản vay nợ vì diện tích đất nông nghiệp đó thuộc quyền quản lý, sử dụng của anh Vũ Mạnh T (do không có hộ khẩu xác nhận người làm nông nghiệp, nên anh Vũ Mạnh T đã nhờ bố mẹ vợ là bà Lâm Thị T và ông Vi Văn S đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Kể từ ngày cho vay tiền đến nay đã được hơn 02 năm, chị Hoàng Thị Thu H đã nhiều lần trực tiếp hoặc thông qua điện thoại, tin nhắn yêu cầu thanh toán nợ, nhưng anh Vũ Mạnh T khất lần, không trả tiền, viện nhiều lý do khác nhau. Nay nguyên đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ, trách nhiệm hoàn trả đủ số tiền 1.100.000.000 đồng đã vay, nợ và không yêu cầu tính lãi suất.

Tại bản khai trong hồ sơ, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Vũ Mạnh T trình bày:

Anh Vũ Mạnh T tự thừa nhận, ngày 06/9/2016, anh xác nhận nợ của chị Hoàng Thị Thu H số tiền 800.000.000 VNĐ và ngày 17/02/2017 vay thêm 300.000.000 VNĐ sử dụng kinh doanh; cả hai lần vay đều được lập thành văn bản, không có lãi suất và được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất tại 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên ông Vi Văn S, bà Lâm Thị T để làm tin đúng như nguyên đơn khởi kiện, trình bày. Số tiền dự định dùng để trả nợ, cho đến nay chưa thu lại được như dự kiến nên chưa thể trả lại cho chị Hoàng Thị Thu H được theo đúng hẹn, do đó anh Vũ Mạnh T xin chịu hoàn toàn trách nhiệm, tuân thủ mọi phán quyết của Tòa án.

Tại bản khai có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lâm Thị T và ông Vi Văn S trình bày:

Vợ chồng bà Lâm Thị T và ông Vi Văn S có dành dụm được một số tiền và đã nhận chuyển nhượng một số diện tích đất (loại đất trồng lúa nước) tại thành phố Lạng Sơn với giá khoảng 500.000.000 VNĐ. Do ông bà ở xa (huyện T) nên có nhờ anh Vũ Mạnh T (là con rể) thỏa thuận, mua bán, làm thủ tục kê khai và được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2016.

Bà Lâm Thị T và ông Vi Văn S đã đưa 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Vũ Mạnh T giữ hộ vì chưa cần dùng đến và sợ bị mất. Việc anh Vũ Mạnh T mang giấy tờ đi cầm cố, thế chấp để vay tiền, hai ông bà hoàn toàn không biết; nay ông bà không nhất trí việc anh Vũ Mạnh T dùng tài sản của ông bà làm tài sản đảm bảo cho khoản vay và đề nghị trả lại bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn phát biểu ý quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Hội đồng xét xử tại phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đều đúng với quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Quan điểm đề xuất về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Vũ Mạnh T hoàn trả số tiền vay 1.100.000.000 VNĐ cho bà Hoàng Thị Thu H; do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết trong vụ án. Nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng số tiền phải thực hiện nghĩa vụ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết quan hệ tranh chấp: Giữa chị Hoàng Thị Thu H và anh Vũ Mạnh T có lập văn bản thỏa thuận cho vay, nợ tài sản, sau đó phát sinh tranh chấp; thời điểm lập giấy vay, nợ tiền các đương sự cùng cư trú trên địa bàn thành phố L, tỉnh Lạng Sơn nên Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn thụ lý giải quyết vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay, nợ tài sản là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và đều có văn bản, đề nghị xét xử vắng mặt do đã có lời khai cung cấp cho Tòa án và bận công việc, sức khỏe yếu; Tòa án quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập

tài liệu chứng cứ, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả do bị đơn và những người có quyền lợi và liên quan đều vắng mặt và không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập.

[3] Nguyên đơn chị Hoàng Thị Thu H khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay, nợ tài sản, chứng cứ chứng minh bao gồm 01 giấy nhận nợ lập ngày 06/9/2016 và 01 giấy vay tiền lập ngày ngày 17/02/2017; 02 văn bản do anh Vũ Mạnh T viết tay, có nội dung ghi rõ tên của người cho vay tiền, người vay tiền, số tiền cho vay và cam kết thời gian trả nợ, lãi thỏa thuận đồng thời có tài sản làm tin, có chữ ký của các bên, do vậy các văn bản này đều thể hiện rõ ý chí của các bên, có giá trị pháp lý, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tại bản khai ngày 18/9/2018 và các lời trình bày, anh Vũ Mạnh T đều thừa nhận ngày 06/9/2016 nhận nợ với chị Hoàng Thị Thu H số tiền 800.000.000 VNĐ và ngày 17/02/2017 vay thêm số tiền 300.000.000 VNĐ (lãi suất do hai bên tự thỏa thuận); đây là tình tiết, sự kiện không cần chứng minh do đương sự tự thừa nhận, không phản đối theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy có cơ sở để xác định anh Vũ Mạnh T có nợ chị Hoàng Thị Thu H số tiền 1.100.000.000 VNĐ qua 02 lần vay, yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Thu H là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại các Điều 463, 464, 466, 469 Bộ luật Dân sự.

[4] Việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc và không yêu cầu tiền lãi suất nợ quá hạn là hoàn toàn tự nguyện, cần tôn trọng quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vi Văn S và bà Lâm Thị T trình bày: Do sợ bị mất nên đã đưa 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cho anh Vũ Mạnh T (con rể) giữ hộ, ông bà không biết và cũng không được hỏi ý kiến việc anh Vũ Mạnh T mang giấy chứng nhận đi cầm cố, thế chấp để vay tiền; diện tích đất đó là do ông bà nhận chuyển nhượng, đứng tên, nay đề nghị được trả lại. Thấy rằng, tại các giấy nhận nợ và vay tiền có thể hiện nội dung "để làm tin" anh Vũ Mạnh T đã gửi chị Hoàng Thị Thu H giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Vi Văn S và bà Lâm Thị T, tuy nhiên không có ý kiến xác nhận hoặc sự đồng ý của chủ sở hữu hoặc hợp đồng bảo đảm bằng tài sản kèm theo. Tại phiên tòa, chị Hoàng Thị Thu H cũng thừa nhận quyền sử dụng đất tại 02 Giấy chứng nhận không phải là tài sản bảo đảm cho khoản vay nợ vì không có ý kiến của chủ sở hữu; do đó chị không yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm. Từ những nhận định trên cho thấy việc vay tiền giữa anh Vũ Mạnh T và chị Hoàng Thị Thu H là giao dịch dân sự giữa cá nhân 02 người, không liên quan đến nghĩa vụ, trách nhiệm của ông Vi Văn S và bà Lâm Thị T. Để giải quyết dứt điểm vụ án và đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự, cần chấp nhận đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, yêu cầu chị Hoàng Thị

Thu H phải trả lại bản gốc 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho chủ sở hữu.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với tổng số tiền phải thanh toán nợ, cụ thể: 36.000.000 VNĐ + (3% x 300.000.000 VNĐ) = 45.000.000 VNĐ theo qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Lời phát biểu và quan điểm, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn là có căn cứ và hoàn toàn phù hợp với các nhận định, căn cứ đánh giá giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử .

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan theo quy định pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 166, 168, 295, 463, 464, 466, 469, 275, 280, 357, 468 và Điều 469 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn anh Vũ Mạnh T phải có nghĩa vụ, trách nhiệm hoàn trả cho chị Hoàng Thị Thu H tổng số tiền 1.100.000.000 VNĐ (một tỷ, một trăm triệu đồng) theo "Giấy nhận nợ" đề ngày 06/9/2016 và "Giấy vay tiền" đề ngày 17/02/2017.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Chị Hoàng Thị Thu H có trách nhiệm trả lại 02 (hai) bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa: CĐ 0297xx mang tên ông Vi Văn S và bà Lâm Thị T và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa: CĐ 2298xx mang tên bà Lâm Thị T đều do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày xx/12/2016 cho ông Vi Văn S và bà Lâm Thị T.

3. Án phí: Anh Vũ Mạnh T phải chịu 45.000.000 VNĐ (bốn mươi lăm triệu đồng) án phí dân sự có giá ngạch nộp Ngân sách Nhà nước.

Chị Hoàng Thị Thu H được hoàn trả lại số tiền 22.500.000 VNĐ (Hai mươi hai triệu, năm trăm nghìn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2012/028xx ngày xx/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm; nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP Lạng Sơn;
- Các đương sự: ……..;
- Lưu: Tòa, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Cường.